

PHÂN CÔNG CHUYÊN MÔN HK I

Năm học 2022-2023 (Áp dụng từ ngày 05/ 09/2022)

(Biên chế lớp học: Khối 6: 5 lớp; Khối 7: 5 lớp; Khối 8: 6 lớp; Khối 9: 5 lớp. **Tổng cộng: 21 lớp**)

STT	Tổ	Họ và tên	Năm sinh	Số năm công tác	Trình độ đào tạo	Phân công nhiệm vụ, giảng dạy	TS tiết thực dạy	Công tác kiêm nhiệm	TS tiết kiêm nhiệm	TS tiết TD+KN	Ghi chú
1	Toán Tin	Nguyễn Thị Phiến	1979	22	ĐHSP Toán CĐSP Toán	Hiệu trưởng, Tin học 6.4; 6.5(2t)	2			19	
2		Đinh Thị Thùy	1980	20	ĐHSP Toán CĐSP Toán, Lý	Toán 6.3,4,5 (12t)	12	Tổ trưởng tổ Toán Chủ nhiệm 6.3; Ôn thi HSG Toán 6	7	19	
3		Nguyễn Thị Thu Trang	1981	21	ĐHSP Toán CĐSP Toán, Tin	Toán 8.1,2,3; (12t)	12	Tổ phó tổ Toán Chủ nhiệm 8.1 BCHCĐ. Ôn thi HSG Toán 8	6	18	
4		Nguyễn Văn Minh	1978	23	ĐHSP Toán CĐSP Toán, Lý	Toán 9.4,5(8t); Toán 7.4,(8t).	12	Ôn thi HSG Toán 7		12	Trực nề nếp
5		Nguyễn Hoàng Sơn	1973	28	ĐHSP công nghệ CĐSP Toán	Toán 7.1,2,3(12t); CN 8.5,6(4t)	16			16	Trực nề nếp
6		Nguyễn Thị Tinh	1979	21	ĐHSP toán CĐSP Toán, Tin	Toán 9.1,3; 7.5(12t)	12	Chủ nhiệm 9.1 Ôn thi HSG Toán 9	4	16	
7		Bùi Thị Mỹ Hạnh	1977	22	ĐHSP toán CĐSP Toán, Tin	Toán 8.4,5,6.(12t)	12	TKHD, Chủ nhiệm 8.5	6	18	
8		Đinh Thị Linh Phương	1980	21	ĐHSP toán CĐSP Toán, Tin	Toán 6.1,2; Toán 9.2 (12t)	12	Chủ nhiệm 9.2	4	16	Trực nề nếp
9		Lê Thị Lý	1977	24	ĐHSP Văn CĐSP Văn, Sử, Địa	Phó hiệu trưởng Ngữ văn 9.5 (5 t)	5			19	
10		Trần Thị Thanh Hải	1972	29	ĐHSP Văn CĐSP Văn, GD&ĐT	Ngữ văn 9.1, 9.2 (10 t); 7.1 (4 t)	14	TT tổ văn, Ôn thi HSG Văn 9	3	17	
11		Vũ Thị Huế	1978	24	ĐHSP Văn CĐSP Văn, Sử	Ngữ văn 9.3, 9.4 (10 t); 6.3 (4 t)	14	Chủ nhiệm 9.3, Ôn thi HSG văn 6.3	5	19	

12	Ngữ văn	Trần Thị Hiền	1977	22	ĐHSP Văn CĐSP Văn, KTPV	Ngữ văn 8.3, 8.4 (8t); GDCD K.6(5t)	13	Chủ nhiệm 8.4	4	17	
13		Nguyễn Thị Huyền	1980	22	ĐHSP Văn CĐSP Văn, GDCD	Ngữ văn 6.3,4 (8t); GDCD K.7 (5t)	13	Chủ nhiệm 6,5.	4	17	
14		Đoàn Thị Khánh Hằng	1973	22	ĐHSP Văn CĐSP Văn - KTPV	Ngữ văn 6.1,2(8t); Công nghệ K.6(5t)	13	Chủ nhiệm 6.2	4	17	
15		Lê Thị Lan Anh	1976	24	ĐHSP Văn CĐSP Văn, Sử, Địa	Ngữ văn 7.2,3(12t); Lịch sử 8.5;8.6(4t)	12			12	Trực nề nếp
16		Phạm Huy Hùng	1979	22	ĐHSP Văn CĐSP Văn, GDCD	Ngữ văn 81,2 (8t); GDCD 9.4,5(2t)	10	Chủ nhiệm 8.2; CTCĐ.	7	17	Trực nề nếp
17		Nguyễn Thị Thanh Tâm	1979	20	ĐHSP Văn CĐSP Văn, GDCD	Ngữ văn 7.4,5 (8t) (NT) (MT) 6.1,2,3. (3t)	11	Chủ nhiệm 7.5.; Ôn thi HSG Văn 7	4	15	
18		Vũ Thị Hồi	1978	22	ĐHSP Văn CĐSP Văn, KTPV	Ngữ văn 8.3,6 (8t); GDCD 8.1,2,3,4(4t)	12	Chủ nhiệm 8.3	4	16	
19	TN	Đinh Thị Khánh Linh	1982	19	ĐHSP Sinh CĐSP Sinh, Hóa	Sinh K.7(10t); Hóa 9.2,4,5(6t).	16	Tổ trưởng tổ TN; Ôn thi HSG sinh 8,9	3	19	
20		Nguyễn Thị Hồng Trang	1989	10	ĐHSP Hóa	Hóa K.8(12t); Hóa 9.1,3(4t).	16	Ôn thi HSG hóa 8,9	0	16	Trực nề nếp
21		Nguyễn Xuân Liêm	1982	19	ĐHSP Lý CĐSP Lý, tin	Vật lí K.8(6t); Lí 9.1,2(2t)	10	Tổ phó tổ TN, CNTT, Ôn thi HSG vật lí 8.9; Phụ trách p. tin	7	17	
22		Nguyễn Thị Hiền	1978	22	ĐHSP Sinh CĐSP Sinh - Hóa	KNTN Hóa (5t), Sinh(10t)) K.6	15			15	Trực nề nếp
23		Nguyễn Thị Luyến	1986	13	ĐHTD	TD K6(10t); TD 7.1,2,3	16	Phụ trách TD	2	18	
24		Nguyễn Thị Lê Na	1978	23	ĐHSP Hóa CĐSP Hóa- KTCN	KHTN (Hóa) 7(5t)	5	Thiết bị.		19	
25		Nguyễn Duy Hậu	1977	21	ĐHTD	TD K.9(10t); TD7.4,5(6t); TD 8.1(2t)	16		0	16	
26		Lê Văn Chấn	1978	22	ĐHSP Công nghệ, CĐSP Sinh - công nghệ,	TD 8 .2,3,4,5,6(10t) ; Sinh 8.4,5,6(6t)	16		0	16	Trực nề nếp
27		Đỗ Thị Mai Anh	1988	12	ĐHSP Công nghệ	CN 8.1,2,3,4(8t); Mĩ Thuật K.8(6t); GDCD 8.5,6(4t)	16			16	Trực nề nếp
28		Phạm Thanh Tân	1981	19	ĐHSP Tin CĐSP Lý-Tin	KHTN (Lí) K.7(5t); Tin K.7(5t); Tin 6.1,2,3,(3t);	13	.Chủ nhiệm 7.1.Ôn thi HSG môn Tin;	4	17	
29		Nguyễn Thị Tuyết	1989	11	ĐHSP Lý	Lí 9,3,4,5(6t); CN K.9(5t)	11	Chủ nhiệm 9.4 Ôn thi HSG Công nghệ 8,9	4	15	

30		Nguyễn Đăng Tiến	1987	11	Th.S Công nghệ sinh học ĐHSP Sinh - C>NNN	Sinh K.9(10t); Sinh 8.1,2,3(6t)	16	Phụ trách p. Công nghệ.	3	19	
31		Lê Thị Kiều Chang	1989	11	ĐHSP Lý	KHTN (Lí 6)(5t); Công nghệ K.7(5t)	10	Phụ trách p. KHTN Chủ nhiệm 6.1	7	17	
32	Anh văn	Ngô Thị Bích Nguyệt	1969	29	ĐHSP Anh	Anh 9.1,2(4t); Anh 8.2,3,4 (9t)	13	Tổ trưởng tổ Anh, PCT CĐ; Ôn thi HSG Anh 9	6	19	
33		Vũ Thị Phương	1980	22	ĐHSP Anh	Anh 6.3,4,5(9t); Anh 9.5(2t)	11	Trưởng ban TTND; Ôn Thi HSG Anh 8. Chủ nhiệm 9.5	7	18	
34		Trần Thị Kim Thành	1977	21	ĐHSP Anh	Anh 7.1,2(6t); Anh 6.1,2(6t)	12	Chủ nhiệm 7.2; Ôn thi	4	16	Trực nề nếp
35		Hoàng Thị Hải Hà	1976	20	ĐHSP Anh	Anh 9.3,4(4t); Anh 7.4,5(6t)	10	Chủ nhiệm 7.4 HSG Anh 7	4	14	Trực nề nếp
36		Lê Thị Hương	1980	20	ĐHSP Anh	Anh 8.1,5,6(9t); Anh 7.3(3t)	12	Chủ nhiệm 8.6; Ôn thi HSG Anh 6	4	16	
37	Xã hội	Vũ Mạnh Thắng	1979	22	ĐHSP Sử, CĐSP Sử -Địa	TNCĐ K 6.7		Tổng TPT;	10	19	
38		Nguyễn Mộng Quỳnh	1978	20	ĐHSP Sử	Lịch sử và địa lí 6.2,3,4,5(12t)	12	Tổ phó tổ XH, Chủ nhiệm 6,4	5	17	
39		Biện Thị Liên	1977	22	ĐHSP Sử, CĐSP Sử -Địa	Lịch sử K 9(5t); Lịch sử 8.1,2,3,4(8t)	13	Tổ trưởng tổ XH; Ôn thi HSG Lịch sử 8,9	3	16	
40		Hoàng Thị Thanh Tịnh	1980	19	ĐHSP Địa Sử	Địa lí K.8(6 t); Địa lí K.9 (10t)	16	Ôn thi HSG Địa, 8.9		16	
41		Trần Thị Đào	1978	22	ĐHSP Sử, CĐSP Sử -Địa	Lịch sử và địa lí K7(15t)	15			15	Trực nề nếp
42		Trần Thị Anh	1985	15	ĐHSP Âm nhạc CĐSP Âm nhạc- Công tác đội;	Nghệ thuật (Âm nhạc) K.7(5t) . Âm nhạc 8(6t)	11	Chủ nhiệm 7.3	4	15	Trực nề nếp
43		Đỗ Xuân Hạnh	1981	21	ĐHSP Địa CĐSP Sử -Địa	Lịch sử và địa lí 6.1(3t)	3	Phổ cập	13	16	Trực nề nếp
44		Trần Thị Thanh Hải	1983	19	ĐHSP GD&ĐT CĐSP MT, GD&ĐT	GD&ĐT 9,1,2,3,(3t); NT (MT) 6. 4,5 MT K.7(5t) .MT K.9(5t)	15	Ôn thi HSG GD&ĐT 8.9		15	
45		Nguyễn Thị Hoàng Yến	1985	15	ĐHSP Địa CĐSP Địa, Nhạc	Nghệ thuật (Âm nhạc) K.6(5t)	5	Thư viện		19	
46	Văn Phòng	Lê Hồng Phương	1972	23	ĐHKT	Kế toán + Thiết bị		Tổ trưởng tổ VP		0	
47		Lê Thị Hương	1988	10	TC văn thư	Văn thư + Thủ quỹ				0	
48		Vũ Đình Lũy	1985	8		Bảo vệ				0	

49		Phạm Văn Duyệt	1981	2		Bảo vệ					
50		Lê Thị Phương	1993	2		Tạp vụ					

Lưu ý: Tổ văn và tổ XH, thực hiện thêm môn giáo dục địa phương. (Tổng số tiết lớp 6;7: 350 Tiết)

Tân Đông, ngày 10 tháng 9 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Phiến

